UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐẠI THẮNG

Biểu mẫu 6.2

DỰ TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM 2022 -2023

(Kèm theo Quyết định số 75 /QĐ- THĐT ngày 09 /10 /2022 của Trường TH Đại Thắng)

Đơn vị : đồng

TT	Nội dung	Dự toán
I.	**Số thu phí**	
1	**Quản lý học sinh sau giờ học chính thức**	
1.1	Số dư năm học 2021-2022 trước chuyển sang:	**0**
1.2	Mức thu:120.000đ/hs/tháng	
1.3	Tổng số thu trong năm học :	589.680.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học :	589.680.000
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[(1)]	589.680.000
1.6	Số chi trong năm học	589.680.000
	Trong đó: - Chi giáo viện trực tiếp làm nhiệm vụ QLHS (70%)	412.776.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất (7%)	41.277.600
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo (15%)	88.452.000
	- Chi phúc lợi (6%)	35.380.800
	- Nộp Thuế (2%)	11.793.600
1.7	Số dư cuối năm học	**0**
2	**Tài trợ của phụ huynh học sinh**	
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
2.2	Tổng số kinh phí dự kiến huy động trong năm học	157.500.000
2.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học	157.500.000
2.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[(1)]	157.500.000
2.5	Số chi trong năm học	157.500.000
	Trong đó: - Chi làm mái che ra nhà vệ sinh học sinh	52.500.000
	- Làm mái che lối đi từ khu A sang khu B	70.000.000
	- Làm tường rào bờ ao	15.000.000
	- Cải tạo vườn trường	20.000.000
2.6	Số dư cuối năm	0

TT	Nội dung	Dự toán
3.2	Mức thu :110.000 đ/tháng	
3.3	Tổng số thu trong năm	198.000.000
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	198.000.000
3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(1)	198.000.000
3.6	Số chi trong năm	198.000.000
	Trong đó: - Chi cho GV trực tiếp tham gia trông trưa (70%)	138.600.000
	- Chi công tác Quản lý (BGH, thủ quỹ , KT, BV, GVCN...)18%	35.640.000
	- Chi nộp thuế (2%)	3.960.000
3.7	Số dư cuối năm	**0**
4	**Tiền suất ăn bán trú**	
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.2	Mức thu :24.000 đ/xuất đối với k1,2; 25.000đ/xuất/ngày đối với 3,4,5	777.600.000
4.3	Tổng số thu trong năm (Dự kiến 200 HS tham gia)	777.600.000
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	777.600.000
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(1)	777.600.000
4.6	Số chi trong năm	777.600.000
	Trong đó: - Chi trả công ty xuất ăn bán trú	777.600.000
4.7	Số dư cuối năm	
5	**Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú**	
5.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.2	Mức thu :200.000 đ/năm (Dự kiến : 50 HS Lớp 1 tuyển mới); HS đã tham gia 150 : 50.000đ/năm)	
5.3	Tổng số thu trong năm	17.500.000
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	17.500.000
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(1)	17.500.000
5.6	Số chi trong năm	17.500.000
	Trong đó: - Chi mua bổ sung gối, khăn mặt cho HS, giường gấp	7.000.000
	- Chi hợp đồng thuê giặt chăn, ga	2.500.000
	- Chi mua máy giặt (Giặt gối, khăn)	5.000.000
	- Chi mua xà phòng, giấy ăn, nước lau sàn,…	3.000.000
5.7	Số dư cuối năm	0
6	**Nước uống của học sinh**	
6.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
6.2	Mức thu :10.000 đ/Tháng	

TT	Nội dung	Dự toán
6.3	Tổng số thu trong năm	54.600.000
6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	54.600.000
6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[1]	54.600.000
6.6	Số chi trong năm	54.600.000
	Trong đó: - Chi trả công ty nước uống tinh khiết (100%)	54.600.000
6.7	Số dư cuối năm	0
7	**Thu tiền học Tiếng Anh Tự chọn khối 1,2**	
7.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
7.2	Mức thu: 6 0.000đ/hs/tháng	108.000.000
7.3	Tổng số thu trong năm	108.000.000
7.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	108.000.000
7.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[1]	108.000.000
7.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi ủy quyền theo hợp đồng cho người dạy : (25%)	27.000.000
	- Chi nộp về công ty VPBOX (55%)	59.400.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất (5%)	5.400.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo (15%)	16.200.000
	- Chi nộp thuế (2% số chi tại trường)	432.00.000
7.7	Số dư cuối năm	**0**
8	**Thu tiền học Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài**	
8.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
8.2	Mức thu:35.000đ/hs/tiết	
8.3	Tổng số thu trong năm	687.960.000
8.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	687.960.000
8.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[1]	687.960.000
8.6	Số chi trong năm	687.960.000
	Trong đó:	
	- Chi nộp về công ty Trung tâm E-connect: 85%	584.766.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất (1%)	6.879.600
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo…..(13%)	89.434.800
	- Chi phúc lợi (1%)	6.879.600
	-Nộp thuế (2% số chi tại trường)	2.063.880
8.8	Số dư cuối năm	**0**

TT	Nội dung	Dự toán
9	**Thu tiền học kĩ năng sống**	
9.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
9.2	Mức thu:10.000đ/HS/tiết	196.560.000
9.3	Tổng số thu trong năm	196.560.000
9.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	196.560.000
9.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[1]	196.560.000
9.6	Số chi trong năm	196.560.000
	Trong đó: - Ủy quyền chi theo HĐ : 44% (GV giảng dạy)	86.486.400
	- Chi nộp về Trung tâm GAIA: 46 %	90.417.600
	- Chi tại trường : 10%	19.656.000
	+ Chi công tác quản lý, chỉ đạo…..(8 %)	15.724.800
	+ Chi khấu hao CSVC (2%)	3.931.200
	+ Nộp thuế (2% số chi tại trường)	393.120
9.7	Số dư cuối năm	
10	**Thu dạy học 2 buổi/ngày**	
10.1	Số dư năm trước chuyển sang	**0**
10.2	Mức thu: 20.000đ/hs/tháng	
10.3	Tổng số thu trong năm	98.280.000
10.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	98.280.000
10.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[1]	98.280.000
10.6	Số chi trong năm	98.280.000
	Trong đó: - Chi hỗ trợ điện nước (30%)	29.484.000
	- Chi tăng cường CSVC (60%)	58.968.000
	- Chi hỗ trợ bảo vệ, lao công (10 %)	9.828.000
10.7	Số dư cuối năm	
11	**Thu tiền trông giữ xe đạp**	
11.1	Số dư năm trước chuyển sang	
11.2	Mức thu: 20.000đ/hs/tháng	
11.3	Tổng số thu trong năm (Dự kiến 150 học sinh đăng kí)	30.000.000
11.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	30.000.000
11.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[1]	30.000.000
11.6	Số chi trong năm	30.000.000
	Trong đó: - Chi cho người trực tiếp trông xe (50%)	15.000.000

TT	Nội dung	Dự toán
	- Chi tăng cường CSVC phục vụ trông xe (30%)	9.000.000
	- Chi phúc lợi tập thể : (18%)	5.400.000
	- Chi nộp thuế (2%)	6.00.000
11.7	Số dư cuối năm	**0**
12	**Bảo hiểm y tế học sinh**	
12.1	Số học sinh	
12.2	Mức thu: (Theo hướng dẫn 180/BHXH Tiên Lãng ngày 10/8/2022)	
12.3	Tổng thu	
12.4	Đã chi	
12.5	Dư	
13	**Quỹ " Vòng tay bè bạn "**	
13.1	Số dư năm trước chuyển sang:	**0**
13.2	Mức thu:40.000đ/hs/ năm	
13.3	Tổng số thu trong năm:	21.840.000
13.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	21.840.000
13.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[1] :	21.840.000
13.6	Số chi trong năm	21.840.000
	Trong đó: - Chi nộp về quỹ "Vòng tay bè bạn"cấp trên : 25%	5.460.000
	- Chi tại trường : 75% (Chi các hoạt động, các phong trào của Đội…)	16.380.000
13.7	Số dư cuối năm	**0**
14	**Khuyến học, khuyến tài**	
14.1	Số dư năm trước chuyển sang	**0**
14.2	Tổng số kinh phí dự kiến huy động trong năm học	56.000.000
14.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học	56.000.000
14.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[1]	56.000.000
14.5	Số chi trong năm học	56.000.000
	Trong đó: - Chi khen thưởng học sinh, GV (70%)	39.200.000
	- Chi hỗ trợ học sinh khó khăn (10%)	5.600.000
	- Chi hỗ trợ GV bồi dưỡng học sinh năng khiếu (10%0	5.600.000
	- Chi hỗ trợ các cuộc giao lưu của học sinh (10%)	5.600.000
14.6	Số dư cuối năm	**0**
II	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	2.771.064

TT	Nội dung	Dự toán
2	Học kỹ năng sống	393.120
3	Trông giữ xe đạp	600.000
4	QL sau GHCT	11.793.600
5	Chăm nuôi bán trú	3.960.000

Đại Thắng , ngày 03 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Thị Hương

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Hiền